

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2022/DS-ST

Ngày: 30 – 9 – 2022

V/v tranh chấp di sản thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Ngọc Điệp

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 26 và ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 285/2021/TLDS - ST ngày 27/12/2021 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị G, sinh năm: 1960. Địa chỉ: Số xx Nguyễn Đức Thuận, Tổ 82, Khu phố 6, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. *Có mặt*

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ 2, khu phố 1, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. *Vắng mặt*

- Ông Lê Thành D, sinh năm 1995, địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. *Có mặt*

2. Bị đơn:

- Ông Phạm Văn N, sinh năm: 1955. Địa chỉ: Số xx, tổ 25, Khu phố 6, phường Tân An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. *Có mặt*

- Bà Lê Thị A, sinh năm 1952. *Có mặt*

- Ông Phạm Chí T, sinh năm 1977. *Có mặt*

- Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1977. *Có mặt*

- Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1982. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*
- Bà Phạm Cẩm T, sinh năm 1986. *Có mặt*
- Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1989. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*
- Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1993. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*

Cùng địa chỉ: Số xx Hồ Văn Cống, Khu phố 6, phường Tương Bình Hiệp, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1968, địa chỉ: xx Nguyễn Văn Tiết, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. *Có mặt*

Người đại diện theo ủy quyền của bà T:

+ Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ y, khu phố 1, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. *Vắng mặt*

+ Ông Lê Thành D, sinh năm 1995, địa chỉ: Tổ y, khu phố 3, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. *Có mặt*

3.2. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1970, địa chỉ: Tổ y, Khu phố 2, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*

3.3. Ông Nguyễn Ái Q, sinh năm 1973, địa chỉ: Tổ y, Khu phố 2, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*

3.4. Nguyễn Huyền T, sinh năm 1974, địa chỉ: Tổ y, Khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*

3.5. Nguyễn Bảo H, sinh năm 1974, địa chỉ: Tổ y, Khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*

3.6. Ông Phùng Kim T, sinh năm 1950, địa chỉ: xx Cách Mạng Tháng Tám, phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. *Có mặt*

Người đại diện theo ủy quyền của ông T:

+ Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ y, khu phố 1, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. *Vắng mặt*

+ Ông Lê Thành D, sinh năm 1995, địa chỉ: Tổ y, khu phố 3, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. *Có mặt*

3.7. Bà Phùng Thị Mỹ N, sinh năm 1971, địa chỉ: xx Cách Mạng Tháng Tám, phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*

3.8. Ông Phùng Anh T, sinh năm 1973, địa chỉ: xx Cách Mạng Tháng Tám, phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*

3.9. Ông Phùng Anh K, sinh năm 1975, địa chỉ: Khu phố Chánh Lộc, phường Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*

3.10. Ông Phùng Duy V, sinh năm 1976, địa chỉ: xx Cách Mạng Tháng Tám, phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*

3.11. Ông Phùng Kim B, sinh năm 1983, địa chỉ: xx Cách Mạng Tháng Tám, phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*

3.12. Bà Phan Thị Mai L, sinh năm 1977, địa chỉ: Số xx đường ĐX 126, Tổ 4, Khu phố 1, phường Tân An, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*

Người đại diện theo ủy quyền của bà L:

+ Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ 2, khu phố 1, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. *Vắng mặt*

+ Ông Lê Thành D, sinh năm 1995, địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. *Có mặt*

3.13. Bà Phan Thái T, sinh năm 1985, địa chỉ: Số xx đường ĐX, Tổ 4, Khu phố 1, phường Tân An, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*

3.14. Bà Phan Thị Mai T, sinh năm 1989, địa chỉ: Số xx đường ĐX, Tổ 4, Khu phố 1, phường Tân An, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*

3.15. Ông Trương Thanh D, sinh năm 1984, địa chỉ: Số 15/54 Lê Văn Tách, Khu phố 4, phường Tương Bình Hiệp, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*

3.16. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, địa chỉ: phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương – Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn D – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thủ Dầu Một. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa – Nguyên đơn Phan Thị G, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thành Duy thống nhất trình bày:

Mẹ bà Phan Thị G là bà Phan Thị G, sinh năm 1925, chết ngày 01/10/2008 theo Trích lục khai tử số 1320/TLKT-BS do UBND phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/10/2021. Khi chết, bà G không để lại di chúc.

Cha bà Gái là ông Phạm Văn H, sinh năm 1922, chết năm 1990 theo Giấy chứng tử số 110, quyển số 01 của UBND xã (nay là phường) Tân An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/11/2007.

Lúc sinh thời, cha mẹ bà G sinh được 06 người con chung, gồm:

1. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1946, chết ngày 30/04/1975, có chồng và 05 người con. Khi chết, bà Nuôi không để lại di chúc;

2. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1947, chết năm 2017, có chồng và 05 người con. Khi chết, bà Dẫu không để lại di chúc;

3. Ông Phan Văn T, sinh năm 1950, chết năm 2012, có vợ và 04 người con. Khi chết, ông Tài không để lại di chúc;

4. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1952, chết năm 2012, có vợ và 06 người con. Khi chết, ông Tẩm không để lại di chúc;

5. Ông Phạm Văn Ng;

6. Tôi - Phan Thị G.

Ngoài ra còn có ông Phạm Văn M, sinh năm 1943 (đã chết không rõ năm – là liệt sỹ), ông Minh có 01 người con tên là Q và anh Q cũng đã chết năm 1979.

Về quan hệ nhân thân của bà Bùi Thị N, bà Phạm Thị D, ông Phan Văn T và ông Phạm Văn Tẩm, bà Gái trình bày như sau:

Bà Bùi Thị N có chồng là ông Nguyễn Văn N, không rõ năm sinh, chết năm 2005. Quá trình chung sống, bà Nuội và ông N có 05 người con chung hiện là những người thừa kế thế vị của bà Bùi Thị N đối với mẹ tôi – bà Phan Thị G, gồm:

1. Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1968;
2. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1970;
3. Nguyễn Ái Q, sinh năm 1973;
4. Nguyễn Huyền T, sinh năm 1974;
5. Nguyễn Bảo H, sinh năm 1974.

Bà Phạm Thị D có chồng là ông Phùng Kim T, sinh năm 1950. Quá trình chung sống, bà D và ông T có 05 người con chung gồm:

1. Phùng Thị Mỹ N, sinh năm 1971;
2. Phùng Anh T, sinh năm 1973;
3. Phùng Anh K, sinh năm 1975;
4. Phùng Duy V, sinh năm 1976;
5. Phùng Kim B, sinh năm 1983.

Ông Phan Văn T có vợ là bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958. Bà M chết ngày 11/05/1994 theo Giấy chứng tử số 37/TLKT-BS, quyền số 01 do UBND xã (nay là phường) Tân An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/05/2014. Khi chết, bà M không để lại di chúc. Quá trình chung sống, ông T và bà M có 04 người con chung gồm:

1. Phan Thị Mai L, sinh năm 1977;
2. Phan Thái T, sinh năm 1985;
3. Phan Thị Mai T, sinh năm 1989;

4. Phan Quốc D, sinh năm 1983, chết ngày 13/01/2012 theo Giấy chứng tử số 02, quyền số 01/2012 do UBND xã (nay là phường) Tân An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/01/2012. Khi chết, ông D không để lại di chúc, cũng không có vợ con.

Ông Phạm Văn T có vợ là bà Lê Thị A, sinh năm 1952. Quá trình chung sống, ông T và bà A có 06 người con chung gồm:

1. Phạm Chí T (người bị kiện);
2. Phạm Thanh T (người bị kiện);

3. Phạm Thanh T (người bị kiện);
4. Phạm Cẩm T (người bị kiện);
5. Phạm Thị Ngọc T (người bị kiện);
6. Phạm Thanh T (người bị kiện);

Lúc sinh thời, bà Phan Thị G có tài sản là quyền sử dụng phần đất có diện tích 280,9m² thuộc thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại xã (nay là phường) Tương Bình Hiệp, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AN 635239, số vào sổ H44940 do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp cho bà Phan Thị G ngày 13/10/2008.

Hiện nay, phần đất nêu trên đã bị thu hồi để mở rộng đường phân khu ĐX 144, phường Tương Bình Hiệp theo Quyết định số 4998/QĐ – UBND ngày 30/12/2020. Diện tích đất đã bị thu hồi là 172,1m² do đó diện tích đất còn lại của thửa 1040, tờ bản đồ số 06 là 108,8m². Do một phần thửa 1040, tờ bản đồ số 06 bị thu hồi nên các đồng thừa kế của cụ Phan Thị Gấm được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.232.251.800đ (một tỷ hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi một nghìn tám trăm đồng).

Phần đất còn lại cùng căn nhà trên đất nêu trên do bà Lê Thị Á, cùng các con bà Á là Phạm Chí T, Phạm Thanh T, Phạm Cẩm T, Phạm Thị Ngọc T và Phạm Thanh T quản lý, sử dụng.

Sau khi đo đạc, thẩm định phần đất tranh chấp và tài sản gắn liền với đất thì xác định được hiện nay trên phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã (nay là phường) Tương Bình Hiệp, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương có 01 căn nhà tình nghĩa kết cấu tường gạch xây tô, mái tole, nền gạch men có diện tích khoảng 36,4m² là di sản của mẹ tôi – cụ Phan Thị G chết để lại. Ngoài ra, trên đất tranh chấp còn có các tài sản gồm: Một kios (kết cấu: mái tole, nền gạch men, tường gạch xây tô, bên trong dán gạch men cao 1,6m, phía trước nhà dán gạch men), một bồn nước 500l và chân bồn của bà Phạm Cẩm T xây dựng để làm tiệm uốn tóc; Một mái che tiền chế, kết cấu: xà sắt, gỗ, lợp giấy dầu do ông Phạm Thanh Tiến dựng và sử dụng làm nơi sửa xe.

Sau khi bà Phan Thị G qua đời, bà Gái đã yêu cầu những người đồng thừa kế phân chia di sản do mẹ để lại thành 06 phần cho 06 thừa kế để ổn định cuộc sống nhưng ông Phạm Văn Ng, bà Lê Thị Á, ông Phạm Chí T, ông Phạm Thanh T, ông Phạm Thanh T, bà Phạm Cẩm T, bà Phạm Thị Ngọc T và ông Phạm Thanh T không đồng ý chia.

Nhận thấy, hành vi của các ông, bà sau: Phạm Văn N, Lê Thị Á, Phạm Chí T, Phạm Thanh T, Phạm Thanh T, Phạm Cẩm T, Phạm Thị Ngọc T và Phạm Thanh T không đồng ý chia thừa kế theo quy định của pháp luật đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Gái.

Vì vậy, bà G yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Yêu cầu tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ Phan Thị G là phần đất diện tích 108,8m² thuộc thửa đất 1040, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã (nay là phường) Tương Bình Hiệp, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AN 635239, số vào sổ H44940 được UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp cho bà Phan Thị Gấm ngày 13/10/2008 và số tiền bồi

thường, hỗ trợ 1.232.251.800đ (một tỷ hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi một nghìn tám trăm đồng), 01 căn nhà tình nghĩa kết cấu tường gạch xây tô, mái tole, nền gạch men có diện tích khoảng 36,4m² là di sản của mẹ tôi – cụ Phan Thị G chết để lại, cho 06 người thừa kế của bà Phan Thị G gồm: (1) Bùi Thị Ni; (2) Phạm Thị D; (3) Phan Văn T; (4) Phạm Văn T; (5) Phạm Văn Ng và (6) tôi - Phan Thị G. Tôi yêu cầu Tòa án chia đều di sản nêu trên cho 06 người thừa kế theo quy định của pháp luật, cho tôi được nhận di sản bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và số tiền bồi thường, hỗ trợ 205.375.300đ (Hai trăm lẻ năm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm đồng).

- Buộc người thừa kế được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất đối với phần đất còn lại có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế 108,8m² phải thanh toán giá trị kios, bồn nước 500l, chân bồn nước, mái che cho vợ chồng bà Phạm Cẩm T và vợ chồng ông Phạm Thanh T

*** Bị đơn là bà Lê Thị Á trình bày:**

Bà Ánh là vợ của ông Phạm Văn T và là con dâu của bà G, ông H. Bà Á thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về các anh chị em ruột của chồng bà Á gồm Bùi Thị N, Phạm Thị D, Phan Văn T, Phạm Văn T, Phạm Văn Nga, Phan Thị G. Ngoài ra còn có ông Phạm Văn M, sinh năm 1943 (đã chết không rõ năm – là Liệt sỹ), ông M có 01 người con tên là Q và anh Q cũng đã chết năm 1979.

Về di sản tranh chấp thì bà Á thống nhất xác định phần đất 280,9m² thuộc thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại xã (nay là phường) Tương Bình Hiệp, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AN 635239, sổ vào sổ H44940 được UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp cho bà Phan Thị Gấm ngày 13/10/2008. Tuy nhiên, khi mở rộng đường thì đã thu hồi một phần đất có diện tích 172,1m² và được Nhà nước bồi thường số tiền 1.232.251.800đ (một tỷ hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi một nghìn tám trăm đồng), chưa nhận tiền đền bù do các anh chị em chưa thống nhất được với nhau.

Nay bà G khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế tài sản như trên do bà G để lại thì bà Á thống nhất phân chia số tiền 1.151.004.800đồng, việc phân chia cho 04 chi gồm ông Ngh, ông T, bà G và bà D. Bà Á không đồng ý phân chia cho chi của bà N và ông T. Còn lại số tiền bồi thường tài sản trên phần đất giải tỏa thì đó là tài sản của bà Á, không phải là di sản nên bà Á yêu cầu được nhận.

Về phần đất còn lại là 108,8m² thuộc thửa đất 1040, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã (nay là phường) Tương Bình Hiệp, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AN 635239, sổ vào sổ H44940 được UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp cho bà Phan Thị G ngày 13/10/2008, trên đất có căn nhà tình nghĩa do Nhà nước xây dựng cho bà Gấm thì bà Ánh không đồng ý phân chia và muốn giữ lại để làm nơi thờ cúng bà Gấm.

*** Bị đơn là ông Phạm Văn Ng trình bày:**

Ông phạm Văn Ng là con ruột của bà G, ông H. Ông Ng thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về các anh chị em ruột của ông Ng gồm Bùi Thị N, Phạm Thị D, Phan Văn T, Phạm Văn T, Phạm Văn Ng, Phan Thị G.

Ngoài ra còn có ông Phạm Văn M, sinh năm 1943 (đã chết không rõ năm – là Liệt sỹ), ông M có 01 người con tên là Q và anh Q cũng đã chết năm 1979.

Về di sản tranh chấp thì ông Nga thống nhất xác định phần đất 280,9m² thuộc thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại xã (nay là phường) Tương Bình Hiệp, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AN 635239, số vào sổ H44940 được UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp cho bà Phan Thị G ngày 13/10/2008. Tuy nhiên khi mở rộng đường thì đã thu hồi một phần đất có diện tích 172,1m² và được Nhà nước bồi thường số tiền 1.232.251.800đ (một tỷ hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi một nghìn tám trăm đồng), chưa nhận tiền đền bù do các anh chị em chưa thống nhất được với nhau.

Nay bà G khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế tài sản như trên do bà G để lại thì ông Ng thống nhất phân chia số tiền bồi thường về đất là 1.151.004.800đồng, việc phân chia cho 04 chi gồm ông Ng, ông T, bà G và bà D. Ông Ng không đồng ý phân chia cho chi của bà N và ông T. Số tiền bồi thường phần tài sản trên đất bị thu hồi thì giao cho bà A được sở hữu vì các tài sản đó là của bà A tạo dựng trong quá trình quản lý khu đất.

Về phần đất còn lại là 108,8m² thuộc thửa đất 1040, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã (nay là phường) Tương Bình Hiệp, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AN 635239, số vào sổ H44940 được UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp cho bà Phan Thị G ngày 13/10/2008, trên đất có căn nhà tình nghĩa do Nhà nước xây dựng cho bà G thì ông Ng không đồng ý phân chia và muốn giữ lại để bà A cùng các con làm nơi thờ cúng bà G.

*** Tại bản tự khai nộp cho Toà án và tại phiên toà, các bị đơn gồm ông Phạm Chí T, ông Phạm Thanh T, bà Phạm Cẩm T thống nhất trình bày:**

Ông T, ông T, bà T là con ruột của bà A, ông Phạm Văn T và là cháu nội của bà G, ông H.

Ông T, ông T, bà T, thống nhất với lời trình bày và nguyện vọng của bà A, không bổ sung thêm ý kiến nào khác.

*** Tại bản tự khai nộp cho Toà án, các bị đơn gồm ông Phạm Thanh T, ông Phạm Thanh T và bà Phạm Thị Ngọc T thống nhất trình bày:** Ông T, ông T và bà T là con ruột của bà A và ông Phạm Văn T đồng thời là cháu nội của bà G, ông H.

Ông T, ông T và bà T, thống nhất với lời trình bày và nguyện vọng của bà A, không bổ sung thêm ý kiến nào khác.

*** Tại bản tự khai nộp cho Toà án và tại phiên toà, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ái Q, ông Nguyễn Huyền T, Nguyễn Bảo H thống nhất trình bày:**

Bà T, bà T, ông Q, ông T và ông H là con ruột của bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Văn N và đồng thời là cháu ngoại của bà G, ông H.

Do hiện nay bà G, ông H, bà N và ông N đã chết và gia đình không tự thoả thuận được việc phân chia di sản do bà G để lại. Vì vậy, bà T, bà T, ông Q, ông T và ông H thống nhất theo ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phan Thị G, các ông bà không bổ sung thêm vấn đề nào khác.

**** Tại bản tự khai nộp cho Toà án và tại phiên toà, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phùng Kim T, bà Phùng Thị Mỹ N, ông Phùng Anh T, ông Phùng Anh K, ông Phùng Duy V và ông Phùng Kim B thống nhất trình bày:***

Bà Phạm Thị D là con ruột của bà Phan Thị G và ông Phạm Văn H. Ông Phùng Kim T là chồng bà Phạm Thị D còn bà Phùng Thị Mỹ N, ông Phùng Anh T, ông Phùng Anh K, ông Phùng Duy V và ông Phùng Kim B là con của ông Phùng Kim T và bà Phạm Thị D đồng thời là cháu ngoại của bà G, ông H.

Do hiện nay bà G, ông H, bà Dấu đã chết và gia đình không tự thoả thuận được việc phân chia di sản do bà G để lại. Vì vậy, ông T, bà N, ông T, ông K, ông V và ông B thống nhất theo ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phan Thị G, các ông bà không bổ sung thêm vấn đề nào khác.

**** Tại bản tự khai nộp cho Toà án và tại phiên toà, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Phan Thị Mai L, ông Phan Thái T, bà Phan Thị M T thống nhất trình bày:***

Bà Phan Thị Mai L, ông Phan Thái T, bà Phan Thị Mai T là con ruột của ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị M. Ông Phan Văn T là con của bà Phan Thị G và ông Phạm Văn H.

Hiện nay, bà G, ông H, ông T và bà M đều đã chết và gia đình không tự thoả thuận được việc phân chia di sản do bà G để lại. Vì vậy, bà L, ông T và bà T thống nhất theo ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phan Thị G, các ông bà không bổ sung thêm vấn đề nào khác.

**** Tại bản tự khai nộp cho Toà án, ông Trương Thanh D trình bày:*** Ông Trương Thanh D là chồng của bà Phạm Cẩm T ông D thống nhất với ý kiến trình bày của vợ là bà Phạm Cẩm T, ông D không bổ sung thêm vấn đề nào khác.

Tại phiên toà, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xác định như sau: Yêu cầu Toà án phân chia di sản của cụ Phan Thị G chết để lại gồm phần đất có diện tích 108,8m² thuộc thửa đất 1040, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã (nay là phường) Tương Bình Hiệp, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AN 635239, số vào sổ H44940 được UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp cho bà Phan Thị G ngày 13/10/2008 và số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất là 1.151.004.800đồng là di sản của cụ Phan Thị G chết để lại cho 06 kỹ phần thừa kế của bà Phan Thị G gồm: (1) Bùi Thị N; (2) Phạm Thị D; (3) Phan Văn T; (4) Phạm Văn T (5) Phạm Văn Ng và (6) Phan Thị G. Bà G yêu cầu Tòa án chia đều di sản nêu trên cho 06 kỹ phần thừa kế theo quy định của pháp luật, Bà G đề nghị được nhận giá trị di sản bằng tiền, thống nhất giao hiện vật là nhà, đất cho bà Lê Thị Á (vợ ông Phạm Văn T) và các con được quyền quản lý sử dụng.

Đối với 01 căn nhà tình nghĩa kết cấu tường gạch xây tô, mái tole, nền gạch men có diện tích 36,4m², bà G thống nhất giao cho bà Lê Thị Á (vợ ông Phạm Văn T) và các con được quyền quản lý sử dụng, sở hữu, không yêu cầu phân chia trị giá căn nhà.

Đối với số tiền 81.247.000đồng (Tám mươi một triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) là tiền bồi thường tài sản, cây trồng trên đất, bà Gái thống nhất bà Lê Thị Á được sở hữu số tiền này. Do các tài sản được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất là tài sản do bà Á tạo dựng, không phải là di sản do cụ G để lại.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Văn Ng thống nhất nhận phần di sản của mình được hưởng bằng tiền và tự nguyện tặng cho toàn bộ trị giá di sản được nhận của mình cho bà Lê Thị Á và các con của bà Á, ông T.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Lê Thị Á, ông Phạm Chí T, ông Phạm Thanh T, bà Phạm Cẩm T thống nhất việc được nhận phần di sản do cụ Phan Thị G chết để lại bằng hiện vật là đất và Nhà tình nghĩa trên đất và có trách nhiệm bồi hoàn trị giá bằng tiền cho các kỹ phần thừa kế còn lại.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về việc tuân theo pháp luật thì thẩm phán đã chấp hành đúng Điều 48 bộ luật Tố tụng dân sự, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa người tham gia tố tụng về thu thập chứng cứ. Đối với việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa của Hội đồng xét xử là đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu phân chia di sản thừa kế của nguyên đơn, đối với bị đơn.

- Những kiến nghị bổ sung: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng : Yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2]. Các đương sự trong vụ án gồm: Ông Phạm Thanh T, ông Phạm Thanh T và bà Phạm Thị Ngọc T, bà Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ái Q, ông Nguyễn Huyền T, ông Nguyễn Bảo H, bà Phùng Thị Mỹ N, ông Phùng Anh T, ông Phùng Anh K, ông Phùng Duy V, ông Phùng Kim B, bà Phan Thị Mai L, ông Phan Thái T, bà Phan Thị Mai T, ông Trương Thanh D và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã có bản tự khai trình bày ý kiến của mình và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung giải quyết tranh chấp: Xét phần đất có diện tích 280,9m² thuộc thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại xã (nay là phường) Tương Bình Hiệp, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AN 635239, sổ vào sổ H44940 do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp cho bà Phan Thị G ngày 13/10/2008. Phần đất nêu trên đã bị thu hồi để mở rộng đường phân khu ĐX 144, phường Tương Bình Hiệp theo Quyết định số 4998/QĐ – UBND ngày 30/12/2020, diện tích đất đã bị thu hồi là 172,1m² đất trồng cây lâu năm, số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 1.232.251.800đ (một tỷ hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi một nghìn tám trăm đồng), trong đó có 1.151.004.800đồng là tiền bồi thường về đất, 81.247.000đồng là tiền bồi thường tài sản, cây trồng trên đất. Do đó, diện tích đất còn lại của thửa 1040, tờ bản đồ số 06 là

108,8m², trên đất có 01 căn nhà cấp 4 (nhà tình nghĩa) có diện tích 36,4m², trị giá 44.844.800đồng; 01 căn nhà cấp 4 (do bà T xây dựng) có diện tích 24,8m², trị giá 61.107.200đồng; 01 mái che tạm bằng tole diện tích 14,2m² (do Phạm Thanh T xây dựng) trị giá 1.263.800đồng; 01 bồn nước loại 500L không còn giá trị sử dụng.

[3.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, các đương sự đều xác định các tài sản gồm: Phần đất có diện tích 108,8m², trong đó có 75m² đất ở nông thôn (trị giá 1.350.000.000đồng), 33,8m² đất trồng cây lâu năm (trị giá 507.000.000đồng) thuộc thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 06; 01 căn nhà cấp 4 (nhà tình nghĩa) có diện tích 36,4m², trị giá 44.844.800đồng; số tiền 1.151.004.800đồng là tiền bồi thường về đất là tài sản của cụ Phan Thị G chết để lại. Trước khi chết, cụ G không để lại di chúc định đoạt đối với tài sản nêu trên. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ xác định các tài sản nêu trên là di sản do cụ G chết để lại.

[3.2]. Tại phiên toà, các bên đương sự thống nhất xác định: Đối với 01 căn nhà cấp 4 (nhà tình nghĩa) có diện tích 36,4m², trị giá 44.844.800đồng là do Nhà nước cấp cho cụ Phan Thị G khi còn sống và tại Quyết định số 07/QĐ.CT ngày 08/6/2001 của Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một về việc trao tặng nhà tình nghĩa cho bà Phan Thị G, tại Điều 2 của Quyết định đã nêu *“Bà Phan Thị G được quyền sử dụng ngôi nhà trên để ở và có trách nhiệm bảo quản ngôi nhà. Khi bà qua đời, người trực tiếp nuôi dưỡng và thờ phụng bà được tiếp tục sử dụng ngôi nhà để ở”*. Ngoài ra, các bên đương sự thống nhất việc giao căn nhà tình nghĩa nêu trên cho bà Lê Thị Á cùng các con (người trực tiếp nuôi dưỡng, thờ phụng cụ G), việc thống nhất của các bên đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3]. Nguyên đơn Phan Thị G thống nhất yêu cầu phân chia các tài sản gồm: Phần đất có diện tích 108,8m², trong đó có 75m² đất ở nông thôn (trị giá 1.350.000.000đồng), 33,8m² đất trồng cây lâu năm (trị giá 507.000.000đồng) thuộc thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 06; số tiền 1.151.004.800đồng là tiền bồi thường về đất. Tổng trị giá di sản là 3.008.004.800đồng cho các hàng thừa kế gồm có 06 kỷ phần là bà Phan Thị G, ông Phạm Văn Ng, các đồng thừa kế của bà Bùi Thị N, các đồng thừa kế của bà Phạm Thị D, các đồng thừa kế của ông Phan Văn T, các đồng thừa kế của ông Phạm Văn T. Việc yêu cầu của bà G không được ông Ng đồng ý vì lý do ông Ng muốn giữ lại căn nhà để làm nơi thờ cúng bà G. Tuy nhiên, ý kiến của ông Ng không được bà G, các đồng thừa kế của bà N, các đồng thừa kế của bà D, các đồng thừa kế của ông T đồng ý cũng như ông Ng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét. Vì vậy, cần phân chia các tài sản là di sản do cụ G chết để lại như trên cho các hàng thừa kế theo pháp luật là phù hợp. Tuy nhiên, cần xem xét phần công sức đóng góp, giữ gìn tôn tạo di sản đối với gia đình bà Á và các con. Bởi lẽ, bà Á cùng chồng là ông T khi còn sống là người trực tiếp chung sống với cụ Phan Thị G, chăm sóc cụ G khi tuổi già, thời điểm trước khi chết, cụ G đã cao tuổi. Vì vậy, việc chăm sóc sức khỏe cho cụ G cũng như việc giữ gìn tôn tạo di sản đều do gia đình ông T cùng vợ và các con thực hiện. Ngoài ra, khi còn sống cụ Gám cũng đã phân chia cho các con là Phan Thị D, Phan Thị G và Phạm Văn Ng mỗi người một phần đất để ổn định cuộc sống. Riêng ông Phạm Văn T (đã chết) dù chung sống với bà G nhưng chưa được phân chia phần đất nào cũng như bản thân bà Á và các con được xác định là người có trách

nhiệm thờ phụng cụ G. Do đó, cần trích một phần bằng 20% tổng trị giá di sản của cụ Gấm chết để lại cho gia đình bà A và các con là phù hợp.

[3.4] Việc trích phần công sức cụ thể như sau: Di sản do cụ G chết để lại gồm đất và tiền bồi thường về đất có tổng trị giá 3.008.004.800đồng (Ba tỉ không trăm lẻ tám triệu không trăm lẻ bốn nghìn tám trăm đồng). Như vậy, phần công sức đóng góp giữ gìn tôn tạo di sản của bà A và các con là 20%, tương đương số tiền 601.600.960đồng (Sáu trăm lẻ một triệu sáu trăm nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

[3.5] Phân chia di sản cho các hàng thừa kế như sau: Sau khi trích phần công sức giữ gìn di sản thì trị giá di sản của cụ G còn lại là 2.406.403.840đồng, được phân chia đều cho 06 kỹ phần thừa kế gồm: Bà Phan Thị G, ông Phạm Văn Ng, các đồng thừa kế của bà Bùi Thị N, các đồng thừa kế của bà Phạm Thị D, các đồng thừa kế của ông Phan Văn T, các đồng thừa kế của ông Phạm Văn T, tương đương mỗi kỹ phần được nhận phần di sản trị giá 401.067.306đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự.

Do phần đất và nhà trên đất hiện nay do bà Lê Thị A (vợ ông Phạm Văn T) cùng các con là Phạm Chí T, Phạm Thanh T, Phạm Cẩm T, Phạm Thị Ngọc T và Phạm Thanh T quản lý, sử dụng. Vì vậy, cần giao nhà và đất cho bà Lê Thị A cùng các con được quyền quản lý, sử dụng cũng như phải có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch cho các kỹ phần còn lại.

[4] Tại phiên toà, các bên đương sự thống nhất xác định số tiền 81.247.000đồng tiền bồi thường tài sản, cây trồng trên đất là thuộc quyền sở hữu của bà Lê Thị A. Do các tài sản được bồi thường là do bà Lê Thị A tạo dựng, không phải là tài sản của cụ Phan Thị G chết để lại. Ngoài ra, bà Lê Thị A xin tự nguyện sử dụng số tiền này (đang được lưu giữ tại Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thủ Dầu Một) để thực hiện việc bồi hoàn giá trị chênh lệch cho các hàng thừa kế khác còn lại. Việc thống nhất của các bên đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên toà, bị đơn là ông Phạm Văn Ng thống nhất được nhận kỹ phần được chia của ông Ng bằng tiền, tương đương số tiền 401.067.306đồng (Bốn trăm lẻ một triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm lẻ sáu đồng). Tuy nhiên, ông Phạm Văn Ng tự nguyện tặng cho toàn bộ trị giá kỹ phần của ông được nhận cho bà Lê Thị A (vợ ông Phạm Văn T) cùng các con. Việc tự nguyện tặng cho kỹ phần của ông Phạm Văn Ng là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 24,8m², trị giá 61.107.200đồng (do bà Tú xây dựng); 01 mái che tạm bằng tole diện tích 14,2m² trị giá 1.263.800đồng (do ông Phạm Thanh Tiến xây dựng). Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên toà, các bên đương sự đã thống nhất xác định; Các tài sản này không phải là di sản do cụ Phan Thị Gấm chết để lại mà là tài sản riêng của bà Tú, ông Tiến (là các đồng thừa kế của ông Phạm Văn Tám). Ngoài ra, phần đất là di sản khi phân chia được giao cho bà Lê Thị A cùng các con gồm Phạm Chí Tâm, Phạm Thanh Tiến, Phạm Thanh Tiên, Phạm Cẩm Tú, Phạm Thị Ngọc Tuyết và Phạm Thanh Tuấn được quyền quản lý, sử dụng cũng như tại phiên toà, bà Tú và ông Tiến xác định không có yêu cầu về việc bồi hoàn giá trị vì tài sản này được gắn liền với phần đất mà bà Tú và ông Tiến có chung quyền sử dụng với mẹ và các anh chị em nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với

01 bồn nước loại 500L không còn giá trị sử dụng nên các bên đương sự thống nhất không yêu cầu xem xét.

[7]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết tranh chấp là có cơ sở để xem xét.

[8]. Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị G đối với các bị đơn Phạm Văn Ng, Lê Thị A, Phạm Chí T, Phạm Thanh T, Phạm Thanh T, Phạm Cẩm T, Phạm Thị Ngọc T và Phạm Thanh T.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 5 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 649, điểm a khoản 2 Điều 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị G đối với các bị đơn Phạm Văn Ng, Lê Thị A, Phạm Chí T, Phạm Thanh T, Phạm Thanh T, Phạm Cẩm T, Phạm Thị Ngọc T và Phạm Thanh T về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

2. Xác định di sản do cụ Phan Thị G chết để lại gồm: Phần đất có diện tích 108,8m², trong đó có 75m² đất ở nông thôn (trị giá 1.350.000.000đồng), 33,8m² đất trồng cây lâu năm (trị giá 507.000.000đồng) thuộc thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại phường Tương Bình Hiệp; 01 căn nhà cấp 4 (nhà tình nghĩa) có diện tích 36,4m², trị giá 44.844.800đồng; Số tiền bồi thường về đất 1.151.004.800đồng. Tổng trị giá di sản là 3.052.849.600đồng (Ba tỉ không trăm năm mươi hai triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

3. Phân chia di sản của cụ Phan Thị G để lại như sau:

3.1. Bà Lê Thị Ánh, ông Phạm Chí Tâm, ông Phạm Thanh Tiến, ông Phạm Thanh Tiền, bà Phạm Cẩm Tú, bà Phạm Thị Ngọc Tuyết và ông Phạm Thanh Tuấn được sở hữu phần di sản trị giá 601.600.960đồng (Sáu trăm lẻ một triệu sáu trăm nghìn chín trăm sáu mươi đồng) và 01 căn nhà cấp 4 (nhà tình nghĩa) có diện tích 36,4m², trị giá 44.844.800đồng gắn liền với phần đất có diện tích 108,8m², trong đó có 75m² đất ở nông thôn, 33,8m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn Nghĩa về việc tặng cho bà Lê Thị Ánh, ông Phạm Chí Tâm, ông Phạm Thanh Tiến, ông Phạm Thanh Tiền, bà Phạm Cẩm Tú, bà Phạm Thị Ngọc Tuyết và ông Phạm Thanh Tuấn kỷ phần di sản trị giá 401.067.306đồng (Bốn trăm lẻ một triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm lẻ sáu đồng)

- Bà Lê Thị Ánh, ông Phạm Chí Tâm, ông Phạm Thanh Tiến, ông Phạm Thanh Tiền, bà Phạm Cẩm Tú, bà Phạm Thị Ngọc Tuyết và ông Phạm Thanh Tuấn được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 108,8m², trong đó có 75m² đất ở nông

thôn, 33,8m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại xã (nay là phường) Tương Bình Hiệp, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AN 635239, sổ vào sổ H44940 do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp cho bà Phan Thị Gấm ngày 13/10/2008.

(Phần đất, nhà có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Tổng trị giá di sản bà Lê Thị Ánh, ông Phạm Chí Tâm, ông Phạm Thanh Tiến, ông Phạm Thanh Tiên, bà Phạm Cẩm Tú, bà Phạm Thị Ngọc Tuyết và ông Phạm Thanh Tuấn được nhận là 1.448.580.372đồng (*Một tỉ bốn trăm bốn mươi tám triệu năm trăm tám mươi nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng*), trong đó có 601.600.960đồng tiền công sức giữ gìn, tôn tạo di sản, 401.067.306đồng trị giá kỹ phần được chia và 401.067.306đồng trị giá kỹ phần được ông Nghĩa tặng cho.

Bà Lê Thị Ánh, ông Phạm Chí Tâm, ông Phạm Thanh Tiến, ông Phạm Thanh Tiên, bà Phạm Cẩm Tú, bà Phạm Thị Ngọc Tuyết và ông Phạm Thanh Tuấn được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3.2. Các bà Lê Thị Ánh, ông Phạm Chí Tâm, ông Phạm Thanh Tiến, ông Phạm Thanh Tiên, bà Phạm Cẩm Tú, bà Phạm Thị Ngọc Tuyết và ông Phạm Thanh Tuấn có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Phan Thị Gái số tiền 93.004.356đồng (Chín mươi ba triệu không trăm lẻ bốn nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng).

3.3. Các bà Lê Thị Ánh, ông Phạm Chí Tâm, ông Phạm Thanh Tiến, ông Phạm Thanh Tiên, bà Phạm Cẩm Tú, bà Phạm Thị Ngọc Tuyết và ông Phạm Thanh Tuấn có trách nhiệm liên đới thanh toán cho các đồng thừa kế của bà Phạm Thị Dẫu gồm: Ông Phùng Kim Tiên, bà Phùng Thị Mỹ Nữ, ông Phùng Anh Tuấn, ông Phùng Anh Kiệt, ông Phùng Duy Vũ và ông Phùng Kim Bình số tiền 93.004.356đồng (Chín mươi ba triệu không trăm lẻ bốn nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải liên đới chịu một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3.4. Các bà Lê Thị Ánh, ông Phạm Chí Tâm, ông Phạm Thanh Tiến, ông Phạm Thanh Tiên, bà Phạm Cẩm Tú, bà Phạm Thị Ngọc Tuyết và ông Phạm Thanh Tuấn có trách nhiệm liên đới thanh toán cho các đồng thừa kế của bà Bùi Thị Nuôi gồm: Nguyễn Thị Thanh Thủy, Nguyễn Ngọc Thuý, Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Huyền Thoại và Nguyễn Bảo Hà số tiền 93.004.356đồng (Chín mươi ba triệu không trăm lẻ bốn nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải liên đới chịu một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3.5. Các bà Lê Thị Ánh, ông Phạm Chí Tâm, ông Phạm Thanh Tiến, ông Phạm Thanh Tiên, bà Phạm Cẩm Tú, bà Phạm Thị Ngọc Tuyết và ông Phạm Thanh Tuấn có trách nhiệm liên đới thanh toán cho các đồng thừa kế của ông Phan Văn Tài gồm: Bà Phan Thị Mai Loan, Phan Thái Thảo và Phan Thị Mai Trang số tiền 93.004.356đồng (Chín mươi ba triệu không trăm lẻ bốn nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải liên đới chịu một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3.6. Các đồng thừa kế của ông Phan Văn Tài gồm: Bà Phan Thị Mai Loan, Phan Thái Thảo và Phan Thị Mai Trang được quyền liên hệ với Trung Tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thủ Dầu Một để nhận và sở hữu số tiền 308.062.950đồng (Ba trăm lẻ tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm năm mươi đồng).

3.7. Các đồng thừa kế của bà Bùi Thị Nuôi gồm: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy, bà Nguyễn Ngọc Thuý, ông Nguyễn Ái Quốc, ông Nguyễn Huyền Thoại và ông Nguyễn Bảo Hà được quyền liên hệ với Trung Tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thủ Dầu Một để nhận và sở hữu số tiền 308.062.950đồng (Ba trăm lẻ tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm năm mươi đồng).

3.8. Các đồng thừa kế của bà Phạm Thị Dấu gồm: Ông Phùng Kim Tiên, Phùng Thị Mỹ Nữ, Phùng Anh Tuấn, Phùng Anh Kiệt, Phùng Duy Vũ và Phùng Kim Bình được quyền liên hệ với Trung Tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thủ Dầu Một để nhận và sở hữu số tiền 308.062.950đồng (Ba trăm lẻ tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm năm mươi đồng).

3.9. Bà Phan Thị Gái được quyền liên hệ với Trung Tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thủ Dầu Một để nhận và sở hữu số tiền 308.062.950đồng (Ba trăm lẻ tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm năm mươi đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị Gái được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Các ông Phạm Chí Tâm, ông Phạm Thanh Tiến, ông Phạm Thanh Tiên, bà Phạm Cẩm Tú, bà Phạm Thị Ngọc Tuyết và ông Phạm Thanh Tuấn có trách nhiệm liên đới chịu 55.457.400đồng (Năm mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

- Các bà Phan Thị Mai Loan, ông Phan Thái Thảo và Phan Thị Mai Trang có trách nhiệm liên đới chịu 20.042.600đồng (Hai mươi triệu không trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

- Các bà Nguyễn Thị Thanh Thủy, bà Nguyễn Ngọc Thuý, ông Nguyễn Ái Quốc, ông Nguyễn Huyền Thoại và ông Nguyễn Bảo Hà có trách nhiệm liên đới chịu 20.042.600đồng (Hai mươi triệu không trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

- Các bà Phùng Thị Mỹ Nữ, ông Phùng Anh Tuấn, ông Phùng Anh Kiệt, ông Phùng Duy Vũ và ông Phùng Kim Bình có trách nhiệm liên đới chịu 20.042.600đồng (Hai mươi triệu không trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

5. Về chi phí đo đạc, định giá: Tổng chi phí đo đạc định giá là 4.950.000đồng (Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bà Phan Thị Gái nộp 825.000đồng (Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng), bà Gái đã nộp đủ, không phải nộp thêm.

- Các bà Lê Thị Ảnh, ông Phạm Chí Tâm, ông Phạm Thanh Tiến, ông Phạm Thanh Tiên, bà Phạm Cẩm Tú, bà Phạm Thị Ngọc Tuyết và ông Phạm Thanh Tuấn tự nguyện liên đới nộp số tiền 1.650.000đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) để hoàn trả cho bà Phan Thị Gái đã tạm nộp.

- Các ông Phùng Kim Tiên, bà Phùng Thị Mỹ Nữ, ông Phùng Anh Tuấn, ông Phùng Anh Kiệt, ông Phùng Duy Vũ và ông Phùng Kim Bình phải nộp 825.000đồng (Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) để hoàn trả cho bà Phan Thị Gái đã tạm nộp.

- Các bà Nguyễn Thị Thanh Thủy, bà Nguyễn Ngọc Thuý, ông Nguyễn Ái Quốc, ông Nguyễn Huyền Thoại và ông Nguyễn Bảo Hà có trách nhiệm liên đới nộp 825.000đồng (Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) để hoàn trả cho bà Phan Thị Gái đã tạm nộp.

- Các bà Phan Thị Mai Loan, ông Phan Thái Thảo và bà Phan Thị Mai Trang có trách nhiệm liên đới nộp 825.000đồng (Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) để hoàn trả cho bà Phan Thị Gái đã tạm nộp.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.TDM;
- Chi cục THADS TP.TDM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thiện